

Bên Đời Hiu Quạnh

Thiên Lý

Từ chiều hôm qua cho đến sáng nay, do ảnh hưởng cơn bão từ đâu đó mà thành phố tôi ở gió nổi mù trời. Gió lay cây cảnh ngã nghiêng, gào rú như cơn lốc xoáy. Gió giật dữ quật ngã mọi thứ chung quanh. Gió xô đổ chông gọng chiếc xích đu sau vườn nhà tôi, bay luôn cái bếp lò nhỏ xa lẫm lốc tận cuối vườn. Mấy chậu bông té úp nhào, còn bị đá vòng vòng theo mỗi nhịp thổi mạnh của gió. Sợ hoa bị dập nát tôi phải chạy theo sau để đỡ nó lên. Nhưng tôi cũng bị gió đẩy cho chao đảo. Con đường bên ngoài vắng ngắt, buồn tẻ không có bóng chiếc xe nào lướt qua. Nhà nhà đóng cửa im lìm, phố xá đìu hiu co mình trốn gió.



Thời gian đầu tôi đến đây cũng vào những ngày Xuân lộng gió. Bụi phấn hoa bay lung tung làm tôi bị dị ứng, ngứa mũi liên tục, mắt ngứa phải dụi hoài đến nổi xung bục cả mắt. Nước mũi chảy suốt ngày, đến tối thì mũi lại bị nghẹt cứng, đêm ngủ cứ phải thở bằng miệng. Thuốc trị dị ứng bán trên quầy không đủ mạnh để tiêu diệt cái bệnh nghiệt ngã này của tôi. Mãi những năm sau này tôi phải đi chích mới hết. Ngoài chứng bệnh này, tôi còn một chứng bệnh nhớ nhà, nhớ quê hương mãnh liệt hơn bao giờ hết, khiến cho tôi gần như bị suy sụp tinh thần. Có những buổi tối tôi đi học về lái xe ngang qua khu nhà “mobile home”, nhìn ánh đèn vàng leo lét hắt ra gọi cho tôi một thời sống nghèo khổ ở Việt Nam. Thời đó vào buổi tối, mọi sinh hoạt của gia đình tôi đều tập trung vào ngọn đèn

vàng yếu ớt duy nhất ở gian nhà chính. Mấy chị em tôi chụm đầu bên đèn học bài. Mẹ tôi ngồi ghé vào phía sau chúng tôi cố tìm chút ánh sáng chiếu ra để đan áo. Bà ngoại tôi dơ cao cuốn kinh Phật lên khỏi đầu đến gần chỗ sáng để chậm rãi đọc từng chữ một. Càng về sau ánh đèn vàng nhà tôi càng nhỏ dần để tiết kiệm. Những ngọn đèn vàng đã luôn khuấy lên trong lòng tôi một nỗi buồn thâm trầm.

Cũng dạo ấy, tôi bị khủng hoảng với nỗi nhớ nhà, rảnh giờ nào là gọi điện thoại cho các em tôi để trò chuyện. Hết gọi xuyên bang rồi lại gọi về Việt Nam, say sưa nói, khiến tôi quên cả thời gian, không gian, môi trường tôi đang sống, và một điều quan trọng hơn là quên luôn “my house” (nhà tôi) không mua đường dây gọi đường dài. Lúc đó, tôi lại chưa đi làm, ngày ngày chỉ ra tiệm giặt giúp “my house” quét dọn và lau máy hay phụ chàng giặt đồ, xếp đồ cho khách hàng. Vợ làm việc cho chồng thì làm gì có lương. Đến chiều, xong nhiệm vụ thì ôm tập đi học.

Ngày chàng nhận được cái hoá đơn tiền điện thoại thì hỡi ôi!! Không những chỉ có chàng bị choáng váng mà tôi cũng choáng váng như muốn rụng rời chân tay. Tôi nghĩ, nếu những nhà thơ trào phúng làm thơ gọi vợ là địch, bồ là ta, hoặc đặt cho nàng là sư tử Hà Đông, thì tôi không biết họ sẽ dùng chữ gì để đặt cho mấy ông chồng lúc đang lên cơn thịnh nộ. Sự giận dữ của chàng còn mạnh hơn gió gào. Giọng nói chàng bình thường đã cao và sang sảng như tiếng đồng rôi, gặp chuyện bực mình chàng còn cao giọng vút lên tận mấy tầng mây xanh nữa. Mà không cao giọng, tức giận sao được khi tiền điện thoại lên gần tới cả 500 đô. Nhìn cái bản mặt ăn hại của “địch quân” chỉ muốn... cho cái... tát... Nhưng đây là xứ Mỹ mà, chàng đâu có bao giờ làm vậy. Chàng chỉ quăng đồ đạc, đập bàn ghế để áp đảo tinh thần “địch” thôi. Nghe giọng nói cao như hét lên của chàng tôi sợ đến xanh mặt, vội rút lui vô phòng nằm co ro như con mèo ốm, hời hợt khóc thút thít, bỏ ăn cơm...

Ngày hôm sau, tôi ra ngân hàng chuyển hết tiền dành dụm riêng của tôi vào tài khoản để trả cái nợ điện thoại “chết tiệt” kia. Lần đó, gió giật dữ thổi mạnh trong nhà tôi mấy ngày mới bớt, mà chàng cũng chưa chịu cho “địch” đầu hàng. Rút kinh nghiệm lỗi lầm từ ngày ấy, tuy vẫn còn thèm được nói chuyện, tôi đã không dám “nhiều chuyện” bằng điện thoại nữa. Tôi cảm thấy buồn và hiu quạnh làm sao.

Buổi chiều, mặt trời chuyển nhanh về hướng núi phía Tây sớm hơn thường ngày, toả ra chút hơi lạnh từ những ngọn đồi cát màu nâu đỏ. Gió đã dịu xuống rất nhiều, chỉ còn thổi ra vài



hơi nhẹ. Thời tiết thật điên cuồng quá! Tôi đi lang thang ra công viên gần nhà để ngắm những đứa bé chạy chơi, mặc dù ngày nào tôi cũng đã ngắm trẻ sáu tiếng ở trường rồi. Vậy mà vẫn như chưa đủ để tôi khoá lấp một nỗi trống vắng, tê nhạt cho những giờ còn lại trong ngày. Cứ ở đâu có bóng dáng trẻ là tôi thấy trong lòng vui tươi, hồn nhiên, và bình an. Sự hiện hữu đó thường quyen luyến bước chân tôi ngồi lại với dòng suy nghĩ về trẻ thơ ở Việt Nam, những em bé con nhà nghèo không có điều kiện đến trường học, hay được thoả thích vui chơi với bạn bè. Một ngày của các em phải lê la trên đường phố, học đủ mọi thứ gian manh để kiếm tiền...

Nghĩ đến số phận tuổi thơ nghèo ở quê mình, tôi cảm thấy uất nghẹn cho sự bất công của cả một khối người cầm quyền, chỉ lo ôm đầy một túi tham, xây nhà cao cửa rộng, bỏ mặc một thế hệ mầm non nghèo khổ trong xó tối đầy tội lỗi, nhuốc nhơ... Những người có tấm lòng, có tâm huyết giúp đỡ trẻ, thường không phải là những người có tiền trong chính phủ, mà lại là những người từ các nơi khác đến, như cô Tim, như hội SOS, như bao nhiêu đóng góp của các nhà thiện nguyện tại hải ngoại. Nhưng, đồng tiền đó lại bị phù phép cất xén để rồi mọi sự giúp đỡ cứ như là muối bỏ biển, chẳng giúp được các em là bao nhiêu.

Nghĩ ngợi mãi mà chẳng làm được gì cho trẻ thơ trên quê hương mình, tôi lại thấy buồn hơn trong cảnh chiều hiu quạnh này. Tôi trở về thực tại nơi mình đang sống, nơi cũng có một số đồng trẻ em bất hạnh trong cảnh cha mẹ vướng vào ma túy, tù tội, bạo lực trong gia đình, và nghiện rượu... Dù vậy, so với trẻ em ở Việt Nam, trẻ thơ con nhà nghèo ở nước Mỹ còn may mắn hơn nhiều vì được sự giúp đỡ tận tình của chính phủ.

Nếu không dọn nhà về thành phố Farmington này thì tôi sẽ chẳng bao giờ biết trên nước Mỹ, đất nước được xem là một quốc gia có “lợi tức đầu người cao” với “tiêu chuẩn sinh sống cao” bậc nhất trên thế giới, lại có những người dân sống nghèo khổ trong điều kiện thiếu thốn gas, điện, nước. Họ là những thổ dân trong nhiều bộ lạc khác nhau.

Tôi được biết đến sự nghèo khổ này nhiều hơn khi tôi bắt đầu làm việc cho chương trình “Head Start” và “Early Head Start”. Một hệ thống giáo dục nhà trẻ mẫu giáo do liên bang tài trợ, chỉ ưu tiên phục vụ cho những gia đình nghèo. Chương trình giáo dục mầm non này dựa theo tiêu chuẩn học do tiểu bang đề ra, cũng giống như trường công của chính phủ vậy. Thủ tục giấy tờ về sự theo dõi, dạy dỗ, chăm sóc trẻ cho cả hai bên cha mẹ và nhà trường đều rất nhiều khê. Head Start, nhận trẻ mẫu giáo 3, 4, và 5 tuổi; còn Early Head Start thì nhận trẻ từ 6 tuần cho đến 3 tuổi. Chương trình học của trẻ mẫu

giáo lớn (từ 3 đến 5 tuổi) chia làm nhiều lớp khác nhau. Lớp hai buổi, lớp một buổi, lớp học nguyên ngày 6 tiếng. Trẻ đến trường học đều được ăn sáng, ăn trưa, ăn nhẹ, và trẻ học một buổi thì có xe bus của trường đưa đón. Tất cả đều do chính phủ liên bang đài thọ. Một năm học, giáo viên phải họp phụ huynh đến bốn lần để báo cáo với cha mẹ về sự phát triển của trẻ trong sinh hoạt ở trường. Trong bốn lần họp đó, có hai lần thăm viếng trẻ tại nhà, và hai lần họp tại lớp.

Nhờ những lần đi thăm viếng trẻ như thế, tôi mới chứng kiến được tận mắt cái nghèo khổ của người dân nơi đây. Phần đông là những bà mẹ, ông bố “trẻ con” bỏ trường học quá sớm để vào trường đời với một bầy con nheo nhóc. Sống chen chúc nhau trong những ngôi nhà mobile home dạng “single wide” chật chội, bừa bộn, nồng nặc mùi thuốc lá.

Một ngày, tôi đến thăm một gia đình nghèo khác, bà mẹ chỉ mới có 19 tuổi mà đã có 3 đứa con. Đứa lớn nhất 3 tuổi, đứa thứ hai 18 tháng, và đứa út 6 tháng. Khi tôi đến, người mẹ trẻ đang nướng Pizza. Trong nhà có tất cả là 6 đứa bé, 4 đứa bé trai và hai bé gái. Cô ta cho tôi biết, nhà này là của dì cô. Người dì có 3 đứa con trai, vì ở chung nên cô phải vừa coi con mình và cả ba đứa em họ, để cho dì cô đi làm. Những đứa bé chạy lăng xăng quanh nhà đùa giỡn, con bé 6 tháng thì nằm trong “car seat” đặt trước T.V. Nó đang gặm một miếng bánh ngọt trên tay. Nước dãi chảy ra hòa với bánh ngọt nhiều đầy trên áo.

Tôi đến gần bên bé vuốt má nó, bé dơ tay ra trước như muốn tôi ẵm. Tôi tháo dây cài nhấc nó ra khỏi “car seat”. Con bé nhẹ như búp bê, có mắt màu nâu đậm trông thật dễ thương. Bé nhìn tôi ngơ ngác một hồi rồi cười ngả đầu lên vai tôi. Tôi ngửi thấy mùi thuốc lá từ trong quần áo của bé. Thật là tội nghiệp cho em bé quá! Đôi mắt đứa bé cứ ám ảnh tôi mãi trên đường về nhà.

Tối đó, trong lúc ngồi xem T.V. với “my house”, tôi hỏi

chàng về chuyện xin con nuôi, chàng lắc đầu nói ngay:

- Thôi, thôi, Hà tưởng nuôi con nuôi ở đây dễ lắm hả? Họ tìm hiểu lợi tức của mình. Lại thêm tụi cán sự xã hội thăm hỏi hoài, phiền lắm.

Tôi nói:

- Nếu mình thương nó, lo cho nó đầy đủ thì đâu có chuyện gì mình phải sợ.

Chàng lý luận:

- Phải, nhưng khi nó tới tuổi “teen” nó nghe bạn nó hơn mình. Nếu nó theo bạn làm điều không đúng, mình la nó, cấm đoán nó, thì nó sẽ kêu cảnh sát nói nó bị mình “abuse”. Dĩ nhiên là cảnh sát tin trẻ hơn tin mình. Tụi nó nghĩ, mình chỉ là bố mẹ nuôi thôi, chuyện gì cũng có thể xảy ra cho đứa trẻ.

Tôi thở dài như vừa vượt mất một niềm hy vọng, tôi biết tính chàng rất khó thuyết phục. Tôi buồn buồn nói:

- Không có con, em buồn quá!

Chàng lại lắc đầu:

- Trẻ quá rồi Hà. Nếu có con ở tuổi này, lỡ nó không được bình thường, lảnh lặt thì còn khổ hơn nữa.

Tôi im lặng lơ đãng nhìn vào một show quảng cáo trên T.V. Một lát chàng đổi sang kênh khác có show “Kids Say” do ông Bill Cosby điều khiển. Nhìn những đứa bé trên màn hình, tôi ngớ ngẩn hỏi chàng:

- Anh à, nếu mình có con thì con mình sẽ giống anh hay giống em, anh nhỉ?

Chàng trả lời khô khốc:

- Giống anh, lì như anh!

- Nếu con giống em thì sao?

- Thì nó đi học tha hồ bị chúng bạn ăn hiếp chứ sao. Anh chẳng muốn con giống Hà chút nào!

Tôi lại im lặng, trên màn hình TV xuất hiện một bé gái đang nói 3 thứ tiếng: tiếng Hòa Lan của bố, tiếng Pháp của mẹ, và tiếng Anh nơi trường học. Sau đó con bé ấy bắt đầu hát. Thật là tài năng quá! Tôi mơ màng nói với chàng:

- Anh à, nếu mình có con, trai hay gái gì em cũng cho nó đi học nhạc, em cầu mong cho nó sẽ có năng khiếu âm nhạc.

Chàng nói giọng gắt nhẹ:

- Thôi, Hà đừng nói vớ vẩn nữa, nếu mình có con ở tuổi muộn màng này thì mình sẽ sống được với nó bao lâu? Lỡ anh chết trước Hà, thì tội cho con mình mồ côi không? Ngừng một chút, chàng đổi giọng quả quyết. Mà nếu anh chết trước Hà, anh biết chắc là Hà sẽ không dạy con được.



Tôi bất mãn hỏi lại:

- Sao anh biết em không dạy con được?

- Sao không biết, ca dao xưa có nói “con hư tại mẹ” đó thôi!

Tôi nhận ra câu nói này cũng có ý trùng hợp với câu của hai cô em gái tôi ở Utah. Mỗi lần có dịp về thành phố Salt Lake để thăm hai đứa cháu nhỏ, thấy cháu dễ thương xin gì tôi cũng cho. Đôi khi làm em tôi bực bội nói:

- Giao con cho chị trông chắc nó hư luôn quá!

Lúc đó, tôi chỉ phì cười. Bây giờ nghe chàng nói, tôi không cười được mà tự ái bùng dậy. Tôi trách chàng đã quên rằng tôi đang làm nhiệm vụ của một “educator” (nhà giáo) mà là “early childhood educator” (nhà giáo dục mầm non) với nhiều năm kinh nghiệm ở cả hai quốc gia nữa mới ghê chứ! Làm sao mà dám nói tôi không biết dạy con được. Đúng là Bụt nhà không thiêng. Tôi giận dỗi quay đi, lòng buồn hiu hắt...

Ngày qua ngày, tháng qua tháng, rồi năm tiếp nối năm. Thời gian vẫn trôi đi thăm lặng trong hiu quạnh. Tôi phải nhắc đến chữ hiu quạnh này nhiều lần, vì bất cứ ở đâu, từ chỗ làm việc cho đến khi về nhà, lúc nào cảm giác hiu quạnh cũng quanh quẩn bên tôi như một cái bóng. Ở trường, tôi là người Việt Nam duy nhất giữa 50 nhân viên gồm Mỹ trắng, Mỹ gốc Mễ, và thổ dân Mỹ. Không ai trong số những cô giáo trẻ biết đến Việt Nam ở đâu khi hỏi về nguồn gốc của tôi, có người còn lẫn lộn nước Việt Nam là nước Tàu. Tôi thấy chán cho kiến thức địa lý của họ.

Một buổi sáng, bà Linda (một bà giáo dạy lớp pre-K), đến tìm tôi để nói về kế hoạch tuần lễ văn hoá ở lớp bà rằng, bà muốn tôi nói về nền văn hoá Việt Nam cho trẻ lớp bà nghe vào một ngày nào đó trong tuần. Tôi không thích bà Linda là mấy, bà là người Mỹ trắng, không biết gốc gì mà tóc bà màu nâu đậm. Tuy bề ngoài bà vẫn nói chuyện xã giao vui vẻ với tôi, nhưng trong ánh mắt và cử chỉ của bà thấp thoáng một sự kỳ thị âm thầm... Tôi hỏi bà:

- Bà muốn tôi nói gì về nền văn hoá nước tôi?

Bà hỏi lại tôi:

- Cô có thể giúp tôi nói về những ngày lễ lớn, thực phẩm, cách trang phục được không?

Tôi gật đầu:

- Được, tôi sẽ giúp bà.

Bà quay đi mấy bước nói:

- Cám ơn cô, tôi sẽ coi ngày nào thuận tiện rồi báo cho cô biết.

Rồi bà ngừng lại, lục lọi chồng giấy của bà đang cầm trên tay, bà rút ra hình lá cờ đỏ sao vàng chìa cho tôi nói:

- À, tôi quên nữa, đây là lá cờ Việt Nam tôi đã in ra từ internet. Vậy cô có thể nói với trẻ về ý nghĩa lá cờ này được không?

Tôi hơi giật mình nhìn lá cờ, một thoáng bối rối, tôi lắc đầu nói:

- Tôi không muốn nói về lá cờ này.

- Tại sao vậy? Bà hỏi giọng ngạc nhiên

Tôi nhìn sâu trong đôi mắt xanh lơ của bà, nói một hơi:

- Vì đây không phải là lá cờ của những người Việt Nam yêu tự do, mặc dù nó là lá cờ của nước Việt Nam. Với tôi, nó chỉ là lá cờ của chế độ cộng sản, vì nó mà đã có hàng triệu người Việt Nam bỏ nước ra đi, nhiều người đã phải chết trên biển cả trong lúc đi tìm tự do.

- Cô muốn nói đến những thuyền nhân phải không?

- Phải. Bà cũng biết đến họ nữa sao?

- Tôi có theo dõi tin tức về cuộc chiến Việt Nam trước kia, và tôi cũng có một người anh trai bị mất tích trên đất nước cô. Tôi không muốn bàn về chính trị ở đây, tôi chỉ muốn giới thiệu cho trẻ biết cờ của các nước, chúng ta có cờ nước Mexico rồi, bây giờ là cờ của nước Việt Nam. Nếu cô không giải thích hộ thì tôi vẫn có thể dán nó ở dưới chữ Việt Nam chứ?

Tôi nói ngay:

- Bà dán lá cờ này trong lớp dưới chữ Việt Nam thì không sai, lịch sử vẫn là lịch sử, chúng ta là những người cung cấp cho trẻ kiến thức, nhưng với lứa tuổi mẫu giáo thì trẻ còn quá nhỏ để hiểu về vấn đề chính trị. Sao bà lại muốn đem nó vào

phần giới thiệu về văn hoá?

- Tôi không hiểu ý cô nói.

- Nghĩa là, nói về ý nghĩa lá cờ như bà muốn là đã nói chút xíu về chính trị rồi đó.

- Vậy cô không muốn nói về lá cờ thật sao?

Tôi lắc đầu quả quyết:

- Không, nếu bà muốn dán lá cờ đó ở dưới chữ Việt Nam thì tôi sẽ không đến lớp bà để nói gì thêm về nền văn hoá nước tôi nữa. Hãy quên sự có mặt của tôi là người Việt Nam duy nhất ở đây đi. Trong thời gian tôi thực tập ở “Lab school” tôi đã được học rằng, ở thành phố này, chúng ta chỉ nên tập trung vào 3 nền văn hoá là: Anglo, Hispanic, và Navajo thôi.

- Đó là lúc trước thôi, nhưng bây giờ đã thay đổi rồi. Cô là giáo viên gốc Việt Nam ở đây thì tuần lễ văn hoá này phải nên có chút ít gì về Việt Nam cho trẻ biết chứ. Tuần lễ này chúng ta cũng có phụ huynh tham gia nữa đó.

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Hay tôi có thể giới thiệu với trẻ và các bậc phụ huynh một lá cờ khác ở nước tôi không?

- Có lá cờ khác sao?

- Có, đó là lá cờ của Việt Nam Cộng Hoà trước khi chiến tranh chấm dứt. Những người Việt Nam yêu tự do trôi dạt mọi nơi trên toàn thế giới vẫn còn gìn giữ lá cờ này như là gìn giữ quê hương Việt Nam trong tim mình vậy. Nếu bà có dịp đi du lịch đến những nơi nào có cộng đồng người Việt sinh sống, hoặc có dịp tham dự những ngày lễ hội lớn của người Việt, bà sẽ thấy lá cờ này luôn tung bay khắp nơi. Và, tôi cam đoan với bà rằng bà sẽ không bao giờ tìm được lá cờ đỏ sao vàng của nước Việt Nam mà bà đang cầm trong tay ở bất cứ chỗ nào có người Việt Nam cư ngụ, chỉ trừ ở toà đại sứ cộng sản mà thôi.

- Ô, thật là đặc biệt đó, vậy cô có thể giới thiệu lá cờ đó với trẻ được không?

- Tôi sẵn sàng, về ý nghĩa tôi sẽ chỉ nói vắn tắt và thật đơn giản để trẻ hiểu.

Bà Linda dơ một ngón tay cái lên:

- Tốt lắm, tôi sẽ báo cho cô biết ngày nào chúng ta có thể thực hiện được.

- Được, tôi sẽ chờ.

Bà cảm ơn tôi rồi bước đi.

Ngày thứ năm trong tuần, tôi đến lớp pre-K của bà giáo Linda để giới thiệu chút ít về nền văn hóa Việt Nam. Hôm đó cũng có vài phụ huynh được mời tham dự. Tôi thấy tự tin hơn bao giờ hết, vì mọi thứ tôi đã chuẩn bị một cách chu đáo. Tối hôm trước “my house” đã phụ tôi cất hai mươi lá cờ vàng kích cỡ 3x5 đủ cho mỗi em một cái. Tôi đem hai cuốn DVD của bé Xuân Mai hát về xuân, trong đó có múa lân và nhiều hình ảnh ngày tết, bánh chưng, mứt, hoa, các em bé mặc áo dài..., một cuốn DVD khác về ngày Trung Thu, có nhiều loại lồng đèn và trẻ rước đèn ca hát, có hình bánh trung thu, bánh dẻo... Phim ảnh thu hút trẻ rất nhanh, cả lớp ngồi chú ý xem say mê, nhất là màn múa lân.



Khi giới thiệu về lá cờ, tôi chỉ nói ngắn gọn với các em và cha mẹ rằng, đây không phải là lá cờ của nước tôi hiện tại, nhưng lá cờ này vinh danh tự do của những người Việt Nam sống ở hải ngoại. **Để dẫn chứng, tôi mở laptop cho họ xem những tấm hình diễu hành cờ vàng trong những ngày lễ ở California. Một rừng cờ vàng rực rỡ biểu dương tinh thần**

yêu tự do của người dân đã từng sống ở Miền Nam Việt Nam dù bây giờ miền Nam đã mất vào tay cộng sản. Sau đó tôi phân phát cho mỗi bé trong lớp một lá cờ vàng nhỏ làm kỷ niệm chơi. Có vài trẻ thích thú quơ quơ lá cờ trước mặt, tôi nhắc lại cho cả lớp về ý nghĩa của lá cờ là “Tự Do” , sau đó cho trẻ đồng thanh lặp lại 3 lần. Cả lớp rất hào hứng với nhịp điệu hô to: “Tự do, tự do, tự do” rất vui.

Bà Linda dán lá cờ vàng lớn bên cạnh chữ Việt Nam và bà chú thích phía dưới là:

“Đây là lá cờ của Việt Nam Cộng Hòa trước kia, và vẫn còn được gìn giữ trong cộng đồng người Việt Nam trên đất Mỹ cho đến ngày hôm nay như biểu tượng của sự tự do.”

Bà Linda có vẻ hài lòng về buổi nói chuyện của tôi. Chỉ lên dòng chữ chú thích, bà hỏi tôi:

- Cô thấy tôi viết như vậy được chưa?

- Tốt lắm, cảm ơn bà đã giúp tôi cơ hội để giới thiệu về văn hoá nước tôi đến với phụ huynh và các em. Đặc biệt là lá cờ này.

- Ô, tôi phải cảm ơn cô mới đúng. Trước kia, tôi chưa hiểu rõ về chiến tranh Việt Nam. Phần cũng phần uất vì anh tôi bị mất tích, nên tôi theo bạn bè tham gia biểu tình phản chiến. Sau này đọc nhiều sách báo về chiến tranh Việt Nam và xem những hình ảnh thuyền nhân chạy trốn vào ngày Saigon sụp đổ, tôi mới biết mình hiểu sai.

Tôi nhìn đôi mắt bà, hình như có một sự thông cảm nào đó đã đưa bà lại gần tôi hơn một chút. Tôi thử dài nói nhỏ:

- Quê hương tôi có một lịch sử khổ đau, không biết đến bao giờ dân tộc tôi mới hết khổ.

- Hãy cố gắng cầu nguyện thôi cô à. Bà Linda vừa nói vừa vỗ vai tôi.

Chúng tôi chia tay nhau ở bãi đậu xe.

Niềm vui vẫn còn đọng lại trong tôi trên suốt con đường về nhà. Tôi mân mê lá cờ vàng nhỏ trong tay, lòng thấy tự hào lẫn khâm phục cho sức mạnh, và sự quyết tâm của người Việt Nam ở hải ngoại, đã gìn giữ, phát triển lá cờ này ngày càng bay cao và bay xa hơn ở khắp nơi trên toàn thế giới. Lần đầu tiên trong ngày hôm đó, tôi không còn cảm giác hiu quạnh như mọi ngày.

Mặt trời đã khuất hẳn sau dãy núi, để lại hai dải mây xanh, hồng tím quyện sát bên nhau nổi bật trên nền trời một màu sáng êm dịu. Gần đầu đó, có mùi thơm của bông hoa sỏi theo gió nhẹ đưa thoảng qua. Trời bắt đầu tối dần, tôi thấy một mảnh trăng lưỡi liềm nhỏ bé xuất hiện nằm cô đơn bên đám mây xa. Không thể ngồi lâu hơn, tôi bước vội về nhà. Căn nhà tối om không có ánh đèn, bóng tối gợi sự hiu quạnh muôn thuở. Tôi vào nhà, với tay mở đèn. Tiếng của “my house” làm tôi giật mình:

- Hà đi đâu mà lâu vậy? Anh chờ Hà này giờ.

Tôi nhìn chàng hỏi lại:

- Em đi bộ ra công viên chơi thôi mà. Anh chờ em làm gì, lại ngồi trong tối không chịu mở đèn?

Chàng đứng lên lấy đĩa và muỗng nói:

- Anh mua bánh Pecan pie với kem chờ Hà về ăn cho vui.

Tôi mỉm cười nhìn ánh mắt chàng, chợt thấy một sự nồng ấm đang bao quanh lấy tôi và nỗi hiu quạnh vụt tan biến.

Tháng 6/ 12



NGÀY HÔM SAU CỦA CUỘC CHÍNH BIẾN

Đặng Kim Thu

Ban Biên Tập: Bài viết trình bày các dữ kiện liên quan đến ngày hôm sau của cuộc chính biến 1-11-1963. Xin dành quyền nhận xét các nhân vật lịch sử cho quý vị độc giả.

Phần I

Mã Tuyên: Người cho ông Diệm và ông Nhu tá túc trong đêm 1 rạng sáng 2 tháng 11 năm 1963 nói gì?

Lời người viết:

Dưới đây là chi tiết đêm cuối cùng của Tổng Thống Diệm và ông Nhu do lời tự thuật của chính ông Mã Tuyên. Phần này được đăng trên các báo Hoa Ngữ tại Đài Loan và được ký giả Đào Thị Khánh dịch ra Việt Ngữ trên báo “Tay Phải”, phát hành ngày 1-11-1984 tại Hồng Kông mà người viết đã sưu tập được.

Nguyên văn bài báo:

Ngày 1-11-1963 vào khoảng 5 giờ chiều, cả khu vực Saigon và Chợ Lớn đều có lệnh giới nghiêm. Trên các ngã đường trọng yếu, chiến xa tuần tiểu ngang dọc, trong khi tiếng súng nổ đi đùng ở hướng Saigon. Lúc đó, tôi đang ở trong nhà, đường Đốc Phủ Thoại. Cả nhà đang nghe “radio” thì điện thoại reo vang. Tôi nhắc điện thoại

lên thì có tiếng người hỏi:

- Có phải ông bang trưởng đó không?

- Dạ phải.

Tiếng người đầu dây tiếp tục:

- Tôi là Nguyễn Phú Hải, Đô Trưởng Saigon. Thủ đô vẫn ở trong vòng kiểm soát của chính phủ. Ông hãy lái xe đến Trụ Sở Thanh Niên Cộng Hoà ở Quận 5. Tôi có chuyện cần nói với ông. Càng nhanh càng tốt.

Sở dĩ ông Hải gọi tôi giờ này vì lúc đó tôi là Đoàn Trưởng Thanh Niên Cộng Hoà Quận 5.

Không kịp sửa soạn, tôi liền kêu tài xế lái xe đưa tôi đến nơi hẹn. Nơi đây ở khu Đại Thế Giới cũ, đường Đồng Khánh, Chợ Lớn. Đến nơi tôi mới biết không có mặt của ông Đô Trưởng Nguyễn Phú Hải, do đó tôi đành ngồi chờ trong lòng đầy sốt ruột lẫn hồi hộp. Hơn 6 giờ chiều, tôi mới thấy có mấy chiếc xe hơi chạy đến. Ông Hải bước xuống cùng với vài người khác trang bị nhiều súng ống. Ông Hải ra lệnh mọi người ra ngoài và tiến tới tôi nói nhỏ là có việc quan trọng cần đến sự giúp đỡ của tôi:

- Tổng Thống muốn đến nhà ông qua đêm để lánh nạn. Ông thấy có trở ngại gì không?

Tôi không cần đắn đo, suy nghĩ, vì tôi thấy không còn chọn lựa nào khác hơn là đồng ý, mặc dù ngay từ phút đầu tiên khi nhận được điện thoại, tôi đã linh cảm đến việc này, cũng như những điều lo ngại về những liên lụy có thể xảy đến cho cả gia đình tôi sau này. Tuy vậy, tôi vẫn tự nhủ, mình là người Hoa Kiều sinh sống trên đất nước VN, mình phải có bổn phận làm những gì có thể được khi Tổng Thống cần đến. Đó là vấn đề đạo đức làm người. Ngô Tổng Thống là người rất chống Cộng. Tính mạng của vị nguyên thủ quốc gia đang lâm nguy khiến tôi không thể nào đóng cửa, quay mặt lại với người. Tôi không thể nào làm được việc “cầm đá ném vào một người đã

sa xuống giêng”. Điều đó thật là hèn khiến tôi không thể nào làm được. Huống chi người đó lại là Tổng Thống mà tôi đang là công dân. Nghĩ vậy nên sau khi nhận lời với ông Đô Trưởng Nguyễn Phú Hải, tôi liền lên xe quay về nhà để sửa soạn đón tiếp Tổng Thống.

7:30 tối, hai chiếc xe “Citroen” nhỏ ngừng trước nhà tôi. Từ trên xe bước xuống là một người thấp và mập mặc áo lính



Dinh Gia Long (là dinh Tổng Thống) sau cuộc chính biến.

mục bước vào, cùng vài người cận vệ đi gần. Đó là Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ông Ngô Đình Nhu đi sau cùng, cao và gầy, mặc áo sơ mi thường. Tất cả có 8 người. Sáu người kia là ông Đô Trưởng Nguyễn Phú Hải, sĩ quan tùy viên Đỗ Thọ và 4 nhân viên an ninh bảo vệ Tổng Thống.

Tổng Thống Diệm và ông Nhu tỏ ra bình tĩnh bước vào nhà, sau đó lên phòng nghỉ ngơi. Ông Đô Trưởng ra về lúc 9 giờ tối. Khi tôi chưa biết lựa lời gì để an ủi Tổng thống và ông Nhu, thì Tổng Thống bước ra, trấn an tôi:

- Ông Mã Tuyên hãy yên tâm. Tình hình rất khẩn trương nhưng không đến nỗi nguy ngập. Không có gì phiền lụy đến ông đâu.

- Thưa Tổng Thống, tôi chấp nhận hậu quả.

Tôi hỏi hai ông có cần dùng gì không thì được biết tất cả đã ăn tối.

Đến 1 giờ, hai ông quay lại phòng, thay quần áo, nghỉ ngơi chừng hơn một tiếng đồng hồ. Tôi lo âu, đứng ngồi không yên, thăm cầu nguyện cho Tổng Thống và ông Nhu tai qua nạn khỏi.

Lúc 12 giờ khuya, tức là sang ngày 2 tháng 11 năm 1963, Tổng Thống thức dậy, ôm ra một mớ giấy tờ đưa cho tôi, bảo đừng xé cứ để nguyên đem ra sau bếp đốt. Khi tôi trở lại sau khi đốt xong, Tổng Thống Diệm hỏi tôi trong nhà có bao nhiêu điện thoại.

- Thưa Tổng Thống, trên lầu một, dưới nhà một, bắt song song.

Tổng Thống dặn tôi đứng cạnh điện thoại dưới nhà đừng cho ai đến gần, rồi bước lên lầu sửa dụng điện thoại còn lại nói chuyện với ai đó mà tôi không rõ. Tôi rất cảm động đứng giữ điện thoại vì được Tổng Thống tin tưởng. Từ 12 giờ đêm đến 5 giờ sáng, điện thoại nhà tôi reo vang liên tục. Sau 5 giờ, Tổng Thống bước xuống lầu. Nhìn sắc diện Tổng Thống, tôi đoán chừng tình hình tuyệt vọng lắm rồi, trong khi tôi nghe tiếng súng chỉ còn thưa thớt. Tổng Thống cho biết Lục Lượng Phòng Vệ Phủ Tổng Thống đã không còn kháng cự.

Sau khi hai ông ngồi cầu nguyện, tôi ngồi cùng bàn với 2 ông và Đại Úy Đỗ Thọ dùng bữa ăn sáng, bữa điểm tâm cuối cùng của một vị Tổng Thống và bào đệ của ông, cũng là cố vấn cho ông. Tuy tình thế có vẻ tuyệt vọng, nhưng 2 ông vẫn giữ được tỉnh táo. Tôi nghe ông Nhu bàn với ông Diệm rằng mỗi người sẽ đi một ngả. Tổng Thống Diệm sẽ xuống miền Tây với Tướng Huỳnh Văn Cao, còn ông Nhu sẽ lên Đà Lạt cùng với 3 con đang ở trên đó, rồi sẽ đi Pleiku với Tướng Nguyễn Khánh. Nếu một trong hai người bị bắt thì phe đảo chánh sẽ không dám giết.

Tổng Thống Diệm nói:

- Chú bị dân chúng ghét lắm, vì thế họ sẽ giết chú. Ở lại với tôi, tôi sẽ che chở cho chú. Chúng ta sống chung với nhau mấy năm, bây giờ là giây phút quyết liệt không nên xa nhau.

Sau khi dùng xong bữa sáng, Tổng Thống hỏi tôi:

- Nhà thờ lớn như Chợ Lớn có ở gần đây không? Ông có biết chỗ không?

- Thưa Tổng Thống, ở ngay sau nhà tôi.

Tổng Thống cho biết cần đi ngay đến đó. Ông bảo tôi lấy một bộ Âu phục cho ông để thay thế bộ áo nhà dòng. Sau đó, ông bảo gọi xe chờ hai anh em ông đến nhà thờ Thánh Tâm ở đường Học Lạc. Tổng Thống Diệm nói:

- Ông Tuyên, nên ở nhà, đừng đi theo chúng tôi vì sẽ bất tiện cho ông. Tôi quyết định như vậy.

Để tránh sự tò mò của người chung quanh, tôi gọi điện thoại cho một người thân để mượn chiếc xe đưa ông tới nhà thờ.

Trước khi ra cửa, Tổng Thống quay lại ôm lấy tôi và nói:

- Ông đừng đưa tôi ra cửa. Ông rất tốt, tôi cảm động lắm. Cám ơn ông và gia đình của ông.

Sau đó, hai ông và ông Tuy Viên Đỗ Thọ lên xe đi đến nhà thờ. Suốt đời tôi sẽ chẳng bao giờ quên hình ảnh ấy.

Sau đó chẳng bao lâu, một người quen hốt hải chạy đến báo tin cho tôi hay rằng văn phòng công ty của tôi đang bị quân đội bao vây, cá nhân tôi đang bị truy lùng. Vì thế, tôi phải ra khỏi nhà ngay lập tức. Tôi vội vã lên taxi đi thẳng xuống Saigon đến nhà một người bà con để trốn tránh.

Khoảng 1 giờ sau, gia đình của tôi đã báo tin cho tôi biết rằng quân đội đã bao vây nhà, lục soát khắp nơi để tìm bắt tôi. Giờ đây, đài phát thanh đang phát những lời ca tụng Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và loan báo Ngô triều đã sụp

đồ. Vài giờ sau có tin ông Ngô Đình Diệm và ông Nhu đã tự sát. Tôi nghe mà trong lòng vẫn ngỡ, vẫn hy vọng là chuyện không phải.

Đến ngày 6 tháng 11 năm 1963, Tổng Nha Cảnh Sát đã cho người đến bắt tôi ngay tại nhà bà con mà tôi đang tạm trú. Tôi bị tổng giam, lãnh đủ hậu quả vì việc tôi đã làm. Trải qua



Thành Cộng Hoà bị hư hại sau cuộc chính biến.

3 năm bị giam cầm, tôi chịu biết bao cực hình, kể cả thỉnh thoảng cũng bị tra tấn, hành hạ. Ngày 3-1-1966, tôi mới được thả ra.

Năm 1975, sau khi CS cưỡng chiếm miền Nam, tôi lại bị bắt một lần nữa và ở tù 4 tháng rồi mới được tha. Ba tháng sau, tôi bị bắt trở lại, ở tù thêm 4 năm nữa. Hơn 7 năm tù tội, chỉ để hai chế độ hỏi tôi có mỗi một câu:

- Tại sao hai ông Diệm-Nhu lại tới nhà ông lánh nạn? Liên hệ bí mật như thế nào?

Cũng với câu hỏi này, năm 1971 một ký giả của báo "Times" cũng hỏi tôi và yêu cầu tôi kể lại những gì ông Diệm và ông Nhu bàn luận trong đêm hai ông ở nhà tôi. Tôi đã từ chối vì hoàn cảnh lúc đó không thuận lợi cho tôi nói lên những gì tôi kể ngày hôm nay.

Nay sau khi trải qua bao nhiêu giông tố của cuộc đời, sau khi đoàn tụ với gia đình ở Đài Loan, tôi mới dám kể lại một sự thật về một đêm không bao giờ phai nhòa trong ký ức của tôi.

Phần II (Đặng Kim Thu sưu tầm)

Một nhân chứng rất quan trọng, hiện đang ở Melbourne, Australia, cho biết ông là người lính kỵ binh đi trên chiếc M113 chở ông Diệm và ông Nhu, từ nhà thờ Thánh Tâm (của cha Tam) ở đường Học Lạc, Chợ Lớn về Bộ TTM. Vì thế ông đã chứng kiến những sự kiện xảy ra cho ông Diệm và ông Nhu.

Câu chuyện do ông kể lại có vẻ hợp lý và khả tín hơn cả. Theo nhân chứng này thì ngày 1-11-63, chi đoàn Thiết Giáp của ông được lệnh vào Saigon để tăng cường bảo vệ Thủ Đô. Ở đây, chi đoàn đã được chia làm 2 toán. Một hợp lực với đơn vị bạn bao vây dinh Độc Lập, trong khi toán còn lại làm vòng đai an ninh cho Bộ Tổng Tham Mưu. Nhân chứng nằm trong toán 2.

Sáng ngày 2-11-63, khoảng 6:15, toán của ông được lệnh di chuyển ra khỏi BTTM. Khi vừa ra khỏi cổng chính (cổng số 1) thì thấy có 3 chiếc xe Jeep đang chờ. Chiếc thứ nhất có tướng Mai Hữu Xuân và 3 cận vệ. Chiếc thứ hai chở Đại Tá Dương Ngọc Lắm, Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa, Đại Úy Nguyễn Văn Nhung. Chiếc thứ ba chở Đại Tá Nguyễn Văn Quan, Đại Úy Phan Hoà Hiệp, và 2 người lính. Sau đó, 2 chiếc M113 (nhân chứng ngồi xe thứ hai) cùng 2 GMG đầy lính, với trang bị đầy đủ, được lệnh theo 3 xe Jeep trên. Khi đến Chợ Lớn, gần nhà thờ cha Tam ở số 25 đường Học Lạc, các xe chạy chậm lại. Binh sĩ trên xe được lệnh nhảy xuống. Một số bố trí chung quanh, một số còn lại bố trí vòng ngoài.

Xe Tướng Xuân chạy một vòng, rồi đậu lại bên kia đường. Sau cái phát tay của Đại Tá Dương Ngọc Lắm, Th/T Nghĩa, Đ/U Nhung, D/U Phan Hoà Hiệp nhảy xuống xe. Đại Tá Lắm ngoác xe M113, có chở theo nhân chứng, đi theo. Khi cách

Đ/T Lắm khoảng 2, 3 m, nhân chứng thấy có 4 người từ trong nhà thờ đi ra. Người đi đầu là Tổng Thống Diệm, kêu sau là ông Nhu, tuý viên Thọ,... Đại Tá Lắm đến chào ông Diệm:

- Thừa lệnh Trung Tướng Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, chúng tôi đến đón cụ và ông cố vấn.

Ông Diệm hỏi:

- Ông Đôn và ông Minh đâu hi?

- Thừa cụ, hai ông còn đang bận việc ở BTTM. Đ/T Lắm trả lời.

- Thôi được, tôi cùng ông cố vấn đi cùng xe với ông.

Đ/T Lắm quay người lại chỉ vào xe M113 và nói:

- Thừa cụ, xin cụ lên xe này cho.

Ông Nhu khẽ cau mày lên tiếng:

- Không thể đón Tổng Thống bằng một chiếc xe như vậy. Để tôi liên lạc với ông Đôn và ông Đình xem.

- Tôi không biết. Đây là lệnh của Trung Tướng chủ tịch. Đại Tá Lắm khẽ nhún vai.

Đại Úy Nhung liền oang oang:

- Xin mời 2 ông lên xe ngay đi cho.

Mặt đỏ bừng mặt đỏ bừng, ông Nhu quyết liệt:

- Không được, để tôi hỏi ông Minh, ông Đôn. Tôi đi xe nào cũng được, nhưng còn Tổng Thống...

Đại Úy Nhung:

- Ở đây không còn Tổng Thống nào cả.

Sau khi nói, ông Nhung bảo 2 quân nhân chạy đến gần đây 2 ông lên xe và đóng cửa lại.

Đoàn xe lăn bánh, nhưng khi đi hết đường Nguyễn Trãi vào đường Võ Tánh, trước cửa Nha Cảnh Sát, thì đoàn xe ngừng lại. (Tổng Nha này đã bị chiếm từ ngày hôm trước nên

không còn một Cảnh Sát nào lui tới. Chung quanh trại là binh sĩ của Sư Đoàn 5 BB của Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu đang canh gác rất cẩn mật.)

Đ/T Nguyễn Văn Quan từ trên xe Jeep nhảy xuống, bảo



Cuộc đảo chánh, bị thất bại, năm 1962.

các binh sĩ trên xe M113 (chở ông Diệm và ông Nhu) xuống. Bảy binh sĩ đã xuống xe trừ tài xế và một xạ thủ còn lại. Xe được lệnh chạy vào Tổng Nha Cảnh Sát.

Khoảng gần nửa giờ sau, chiếc M113 lại từ trong Tổng Nha CS chạy ra. Các binh sĩ lại được lệnh lên xe. Xe chạy ngược đường Võ Tánh trở lại đường Công Hoà. Nhân dịp này, nhân chứng hỏi người xa thù:

- Ông Diệm và ông Nhu đâu?
- Ở dưới hầm xe.
- Sao rồi?
- Dường như ông Nhu đã chết.
- Còn ông Diệm?
- Ông Diệm cũng bị đè cổ ra, bị trói thúc ké, rồi bị ném vào hầm xe.

- Chết hay sống?

- Không biết.

Xe qua khỏi đường Pétrus Ký rồi quẹo phải vào đường Hồng Thập Tự thì gặp lại 2 xe Jeep và 2 xe chở binh lính lúc xuất hành. Xe Đ/T Lắm đi đầu, xe thứ 2 có Đ/U Nhung. Khi đến bên hông bệnh viện Từ Dũ thì xe ngừng lại vì thấy xe của Tướng Xuân chạy ngược chiều. Trong lúc này, rất đông dân chúng tủa ra 2 bên đường xem.



Bữa cơm đơn giản của những binh sĩ tham dự cuộc chính biến

lên chào.

Khi đến gần đường xe lửa thì xe ngừng lại vì đang có đoàn xe lửa đi ngang. Ông Nhung từ xe Jeep nhảy qua chiếc M113 có chở ông Diệm và ông Nhu, la lớn:

- Xuống, xuống.

Các binh sĩ trên M113 cũng nhảy xuống hết. Nhân chứng khi vừa nhảy xuống đất thì nghe có nhiều tiếng súng nổ.

Những tiết lộ của nhân chứng này cho chúng ta thêm dữ kiện mới, nhứt là giai đoạn hai ông bị đưa vào Tổng Nha Cảnh Sát để tra khảo. Sự tiết lộ này cũng làm sáng tỏ thêm câu hỏi là

T u ó n g
Xuân nhìn Đ/U
Nhung rồi đưa
ngón 2 ngón tay
của bàn tay trái
lên 2 lần. Sau
đó, ông ta đưa
ngón tay trở của
bàn tay phải lên
khỏi đầu và co
đuôi ra ba bốn
lần, giống như
động tác bóp cò.
Đ/U Nhung gặt
đầu và đưa tay

2 ông bị trói từ lúc nào, vì trước đó lúc vào xe tại nhà thờ cha Tam, 2 ông không hề bị trói. Trên mặt ông Diệm có nhiều vết bầm, trên người ông Nhu có nhiều vết dao đâm. Ông Nhung ngồi riêng trên xe Jeep, chỉ nhảy lên M113 một thời gian rất ngắn để bắn ông Diệm và ông Nhu, không thể gây ra những dấu vết đó.

Cũng dựa vào tường thuật của nhân chứng, người viết có thể suy diễn rằng biết đâu chừng có một bàn tay ai đó đã “vấy máu”, rồi dùng thủ đoạn “ném đá dẫu tay” để ông Nhung ra tay bắn 2 thi thể đã chết giữa thanh thiên bạch nhật, có nhiều người chứng kiến. Ba tháng sau, ông Nhung đã lãnh hậu quả thê thảm của sự trả thù “mạng đền mạng” của kẻ “gieo oán” do người khác gây ra.

Nghe nói trong những năm tháng cuối đời, Tướng Xuân bị bệnh tâm thần. Ông ta thường quỳ gối, quay mặt vào tường, chấp tay van lạy:

- Xin cụt tha tôi cho con!

Thời gian sau, ông chết âm thầm trong một chung cư. Đến mấy ngày sau, khi thi thể bốc mùi thì người ta mới phát giác là ông ta đã chết từ lâu!

